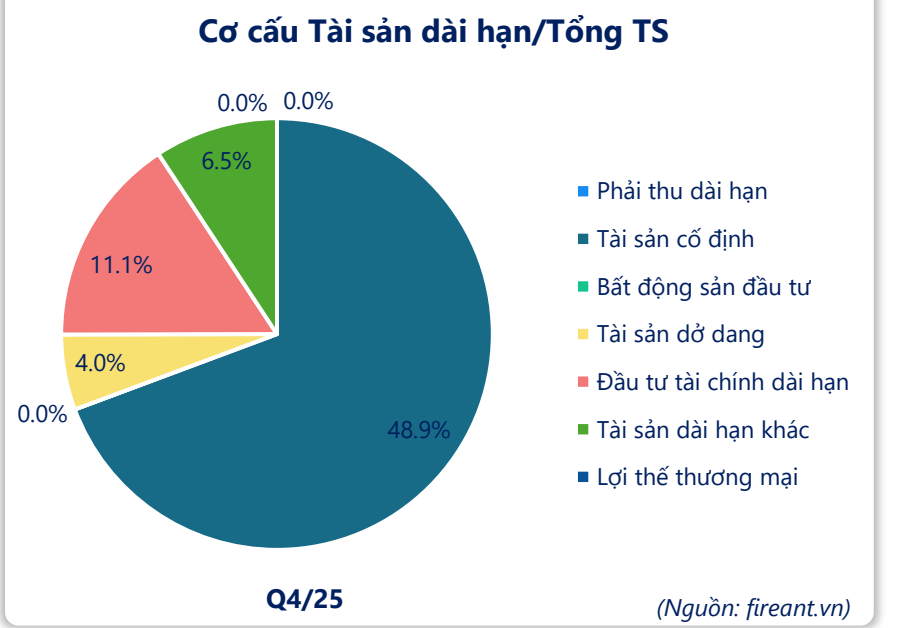
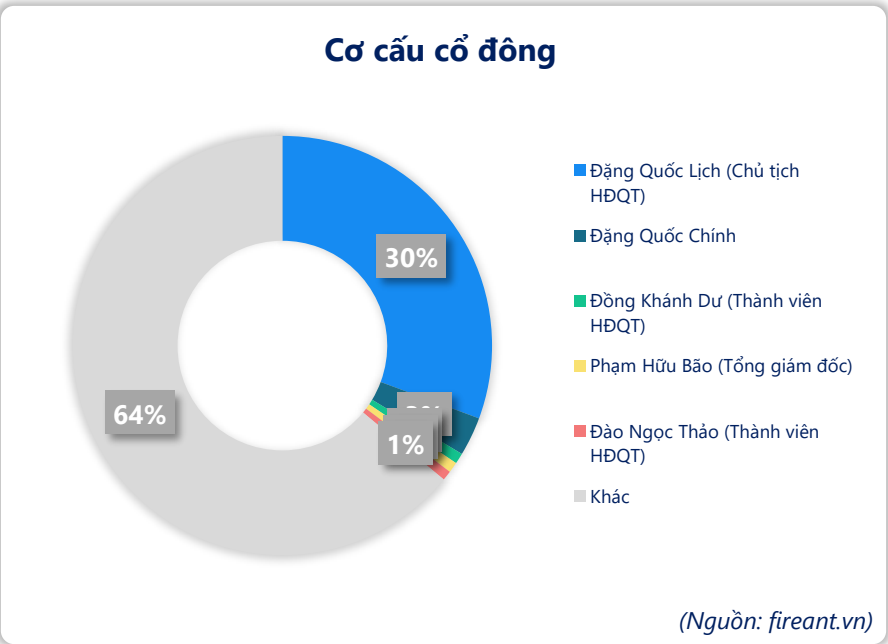
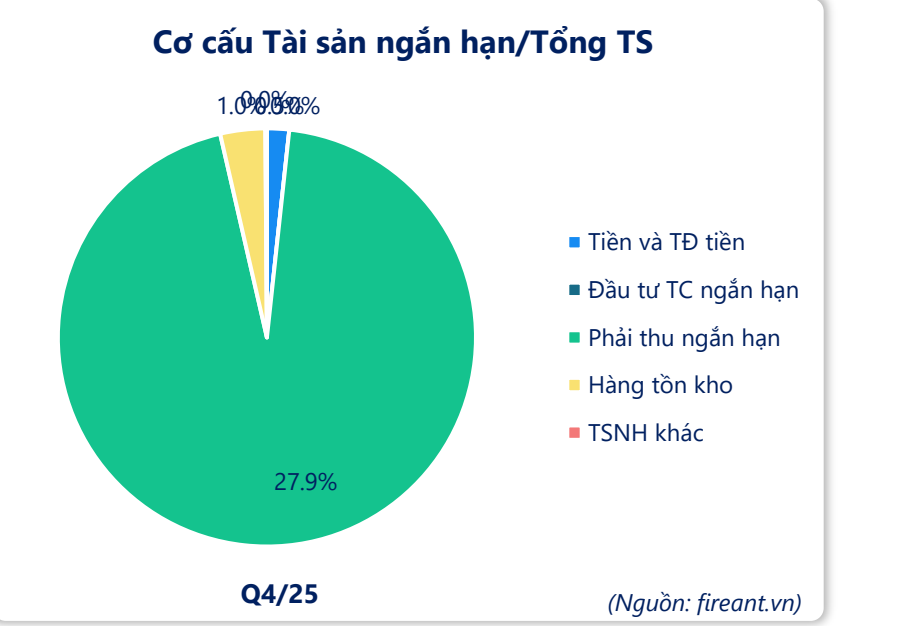
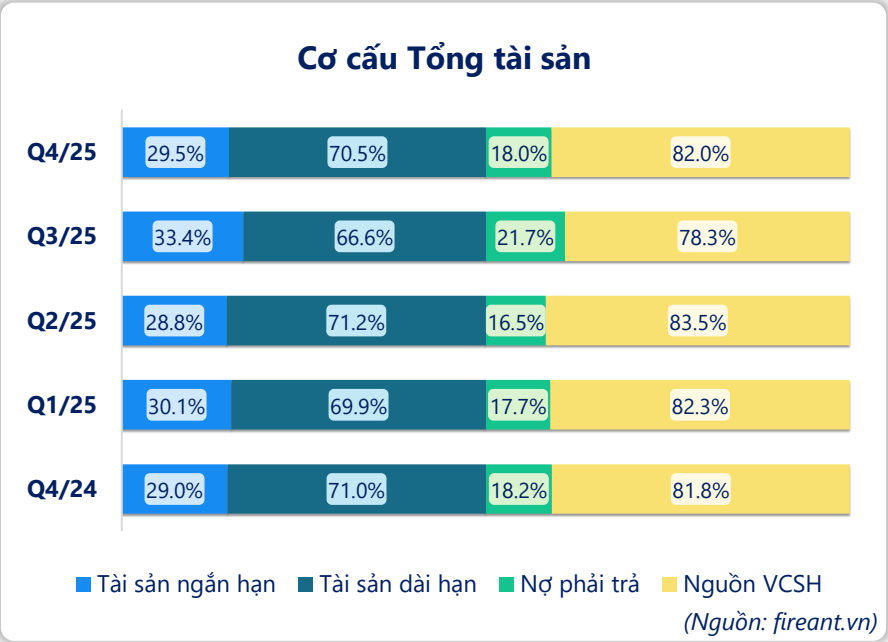
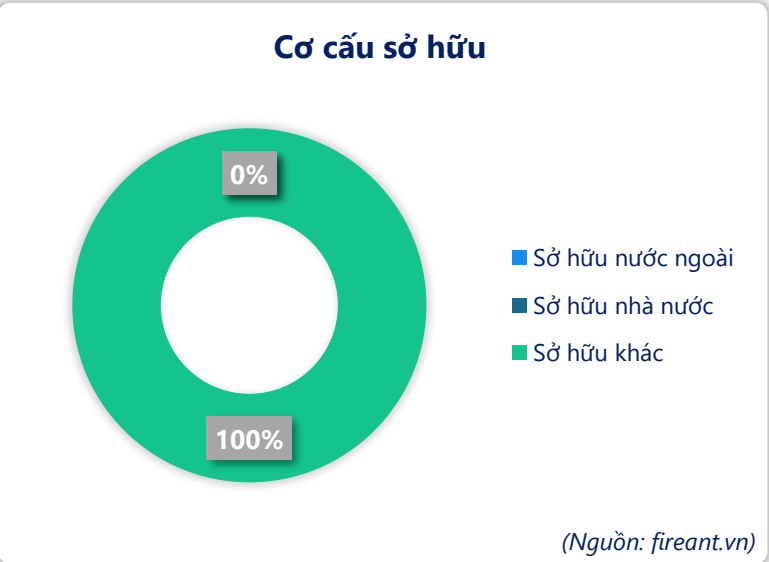
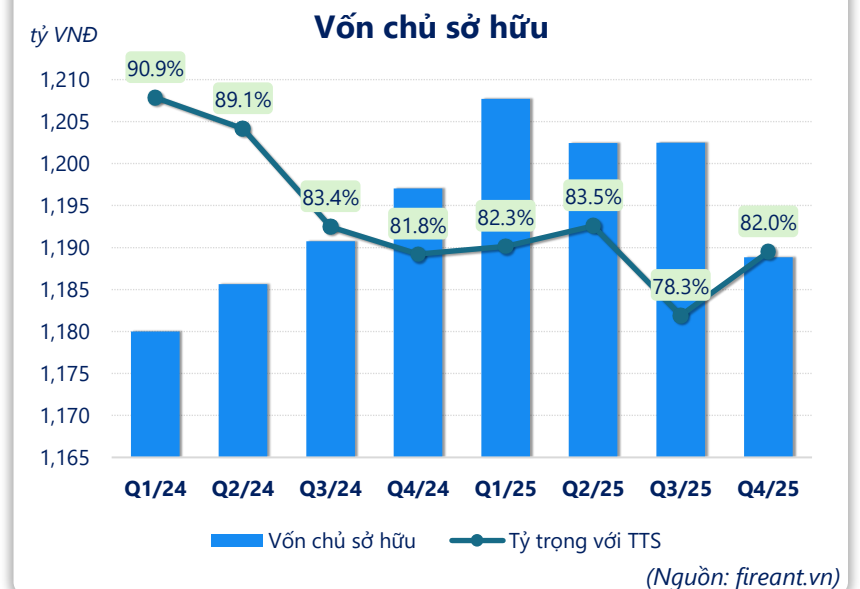
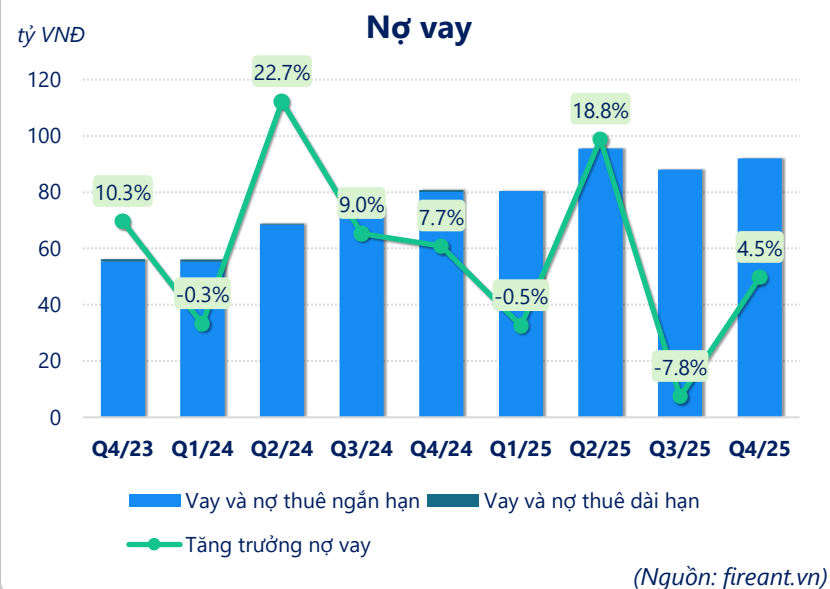
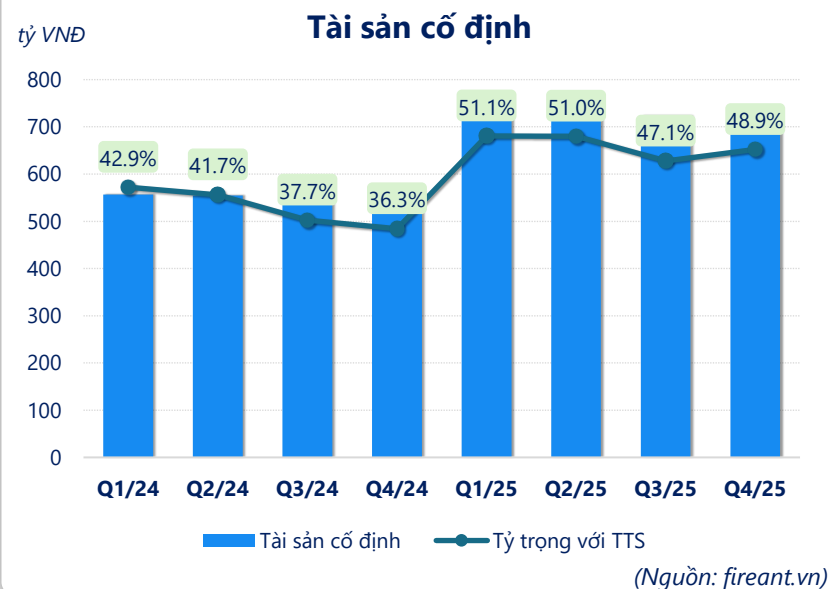
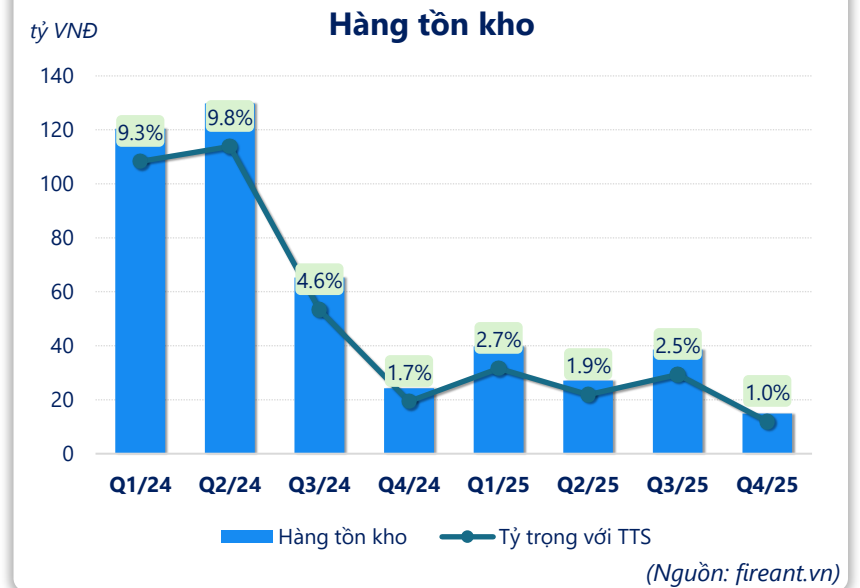
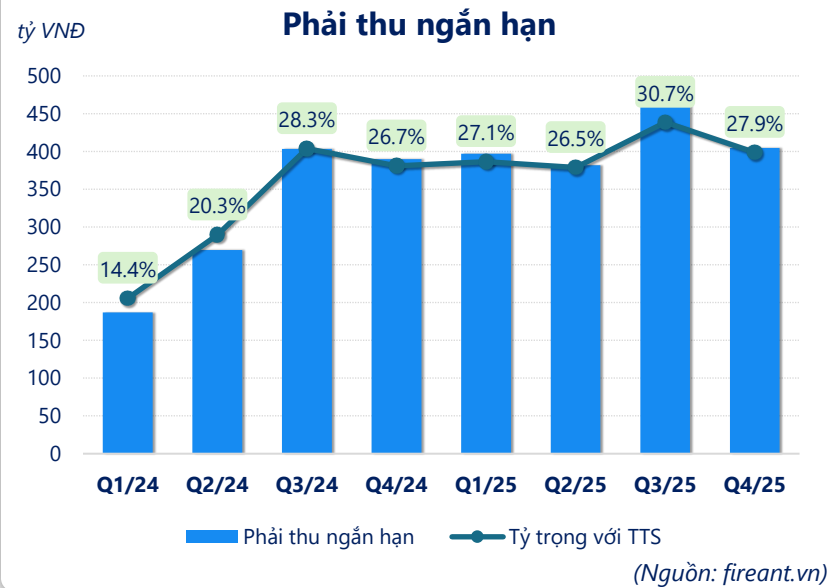
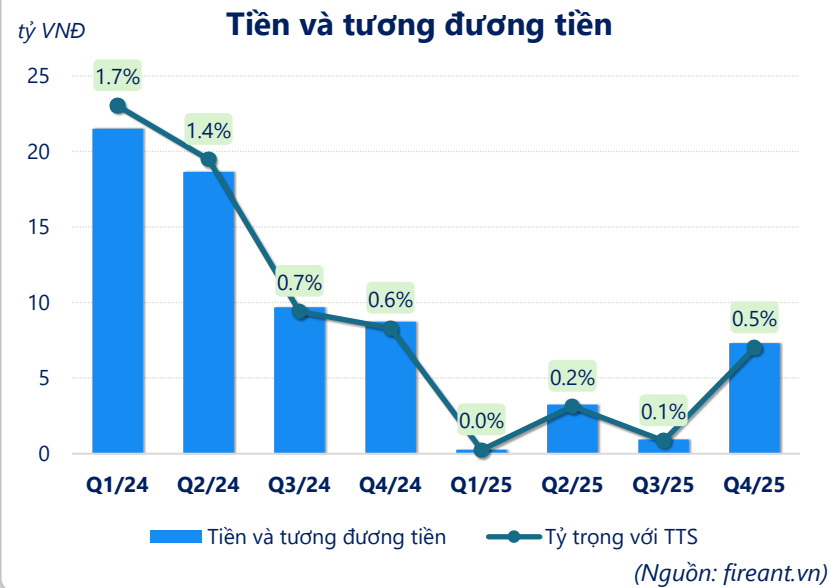
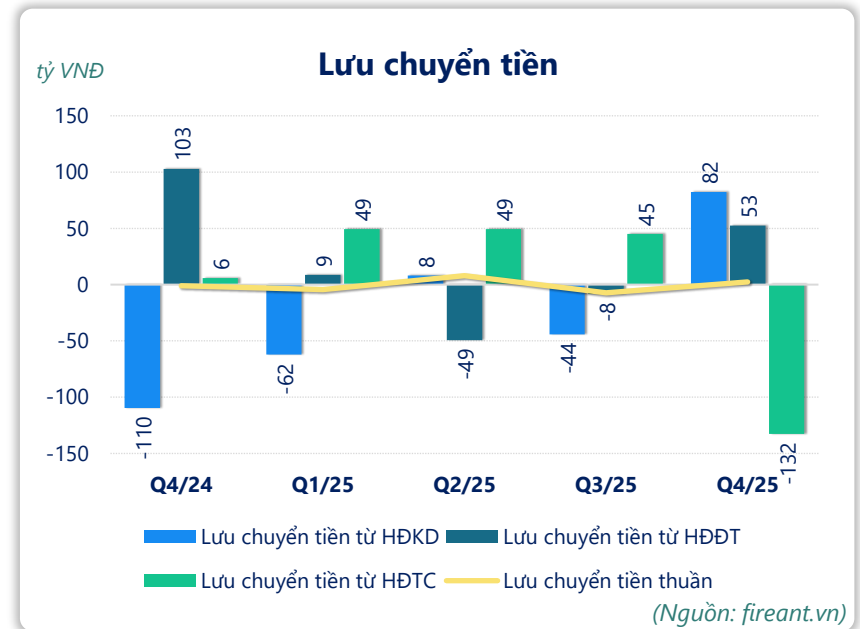
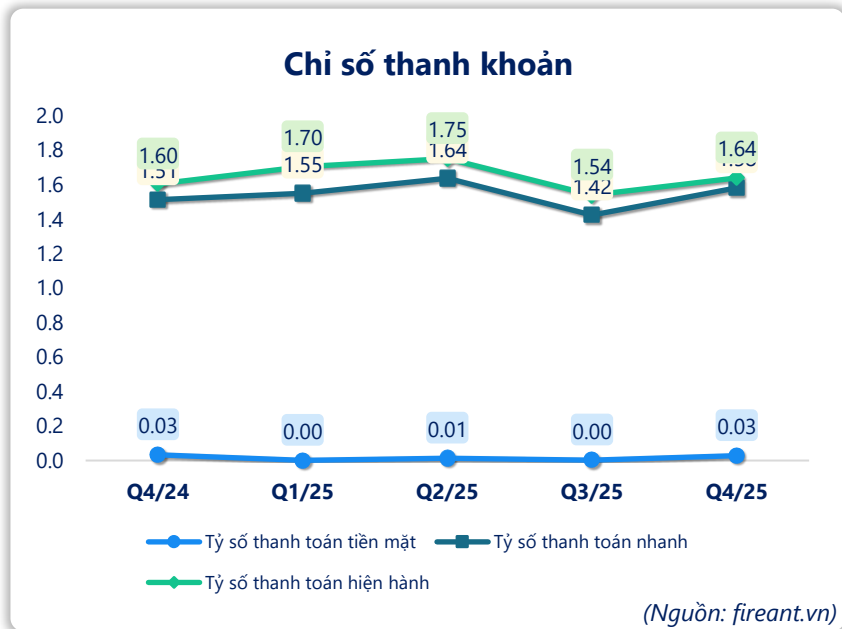
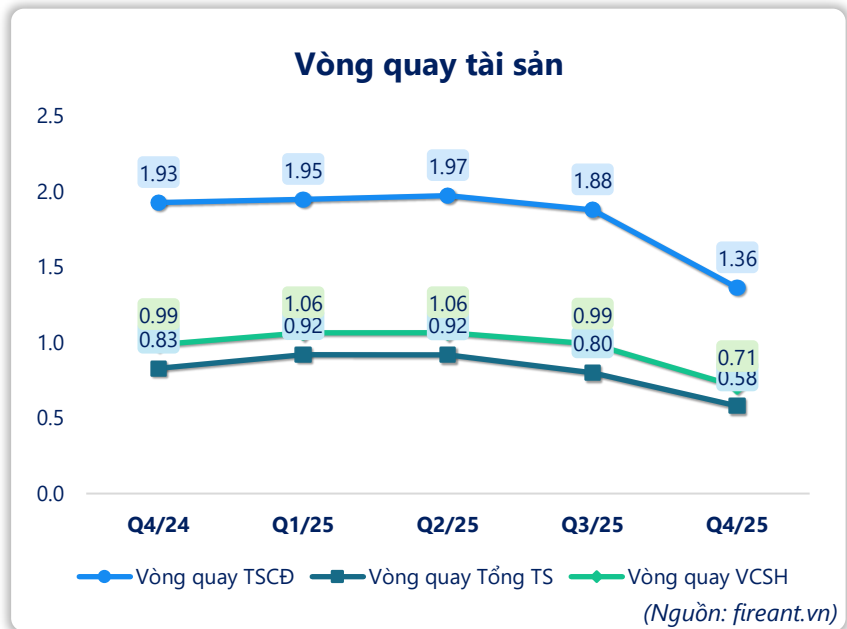
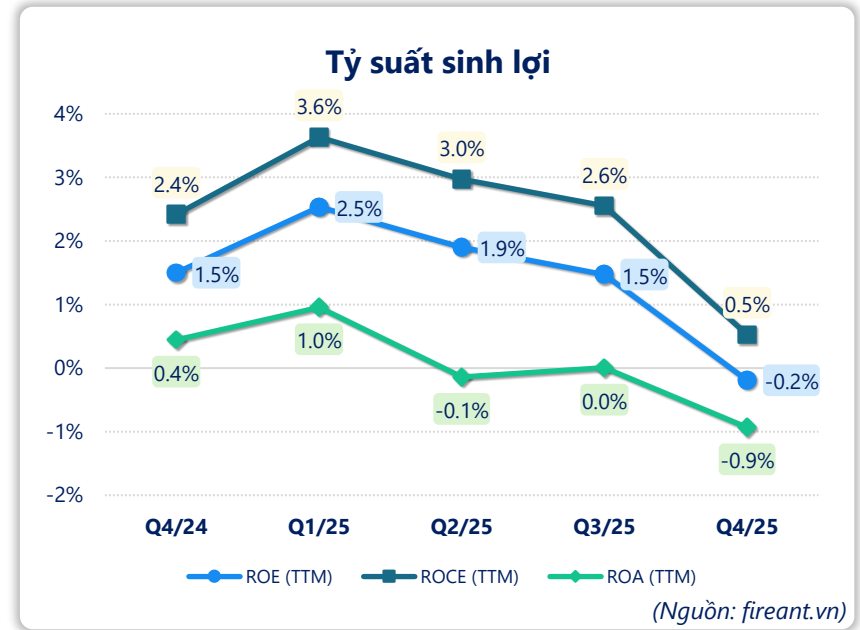
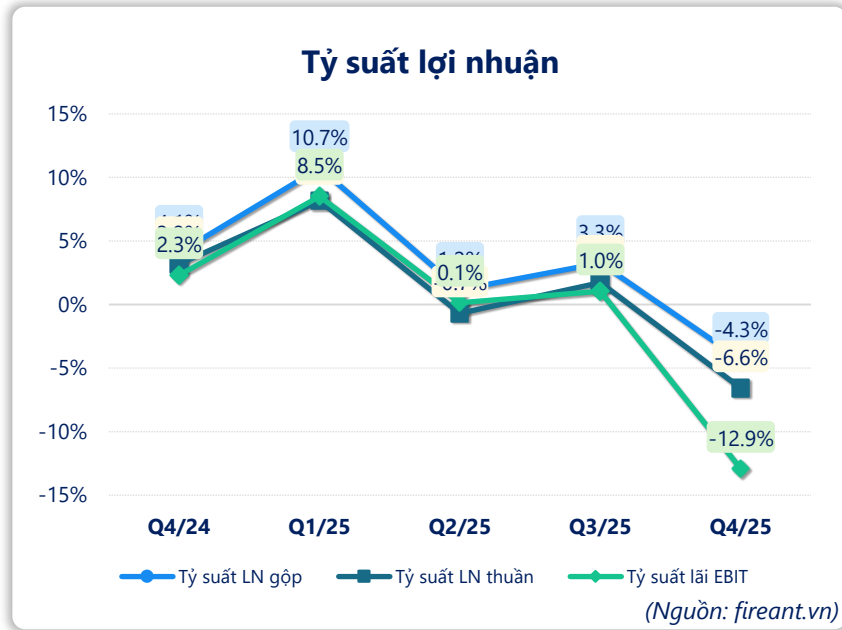
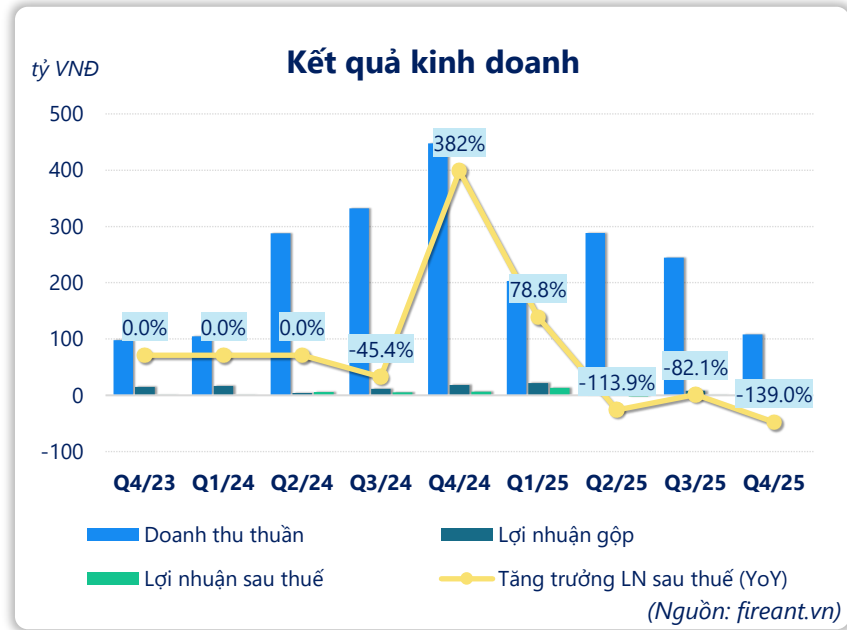


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,500
SL cổ phiếu LH		117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		907,195
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		424
P/E		-186.1
EPS		-19

	YTD	1T	3T	6T
AAH	-2.7%	-5.3%	-12.2%	-12.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,450	1,455	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	427	418	2.2%
Tiền và tương đương tiền	7.32	8.74	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	405	386	4.8%
Hàng tồn kho	14.9	22.2	-33.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	1.30	-60.6%
Tài sản dài hạn	1,023	1,037	-1.3%
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	709	770	-7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.8	5.45	959%
Đầu tư tài chính dài hạn	161	161	0.0%
Tài sản dài hạn khác	94.8	100	-5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	262	264	-0.9%
Nợ ngắn hạn	261	263	-0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.0	80.6	14.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	115	130	-11.6%
Nợ dài hạn	0.71	0.95	-25.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.24	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,189	1,191	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	1,189	1,191	-0.2%
Vốn điều lệ	1,179	1,179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	447	203	288	245	108
Giá vốn hàng bán	429	181	285	237	113
Lợi nhuận gộp	18.3	21.8	3.37	8.02	-4.69
Doanh thu HĐTC	2.89	0.10	0.17	1.87	1.50
Chi phí TC	0.84	0.75	2.58	2.17	0.90
Chi phí lãi vay	0.84	0.75	2.58	2.17	0.90
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.27	0.87	0.85	0.65	0.59
Chi phí QLDN	4.81	3.71	2.10	2.86	2.42
LN thuần từ HĐKD	14.3	16.6	-1.99	4.22	-7.10
Lợi nhuận khác	-4.75	-0.06	-0.16	-3.85	-7.75
LN trước thuế	9.51	16.5	-2.15	0.37	-14.9
Lợi nhuận sau thuế	6.30	13.2	-1.95	0.06	-13.6
LNST của CĐ cty mẹ	6.30	13.2	-1.95	0.06	-13.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-110	-62.3	8.12	-44.1	82.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	103	8.58	-49.4	-8.31	52.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.93	49.3	49.3	45.1	-132
Tiền đầu kỳ	9.68	4.65	0.27	8.21	0.94
Lưu chuyển tiền thuần	-0.94	-4.38	7.94	-7.27	2.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.74	0.27	8.21	0.94	7.32

(Nguồn: fireant.vn)